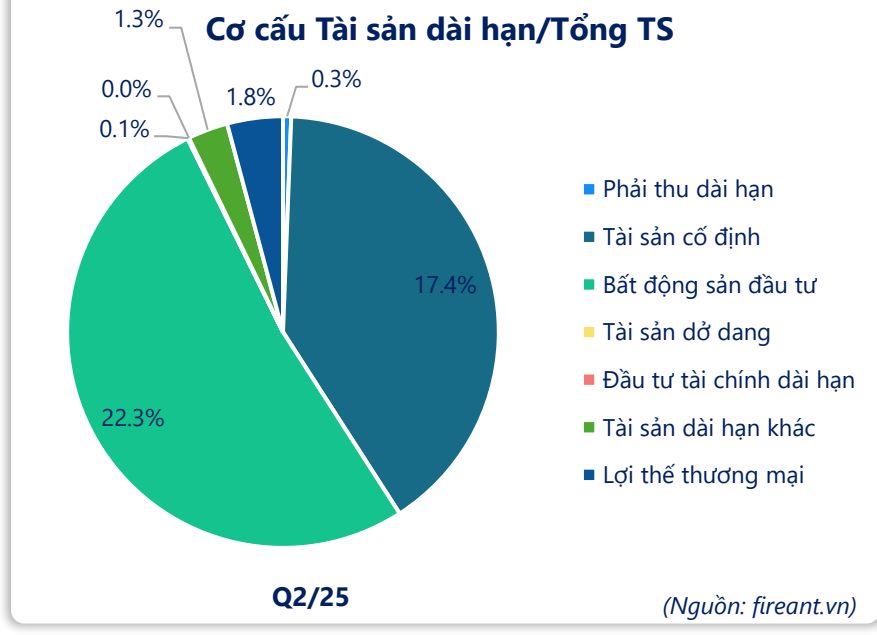
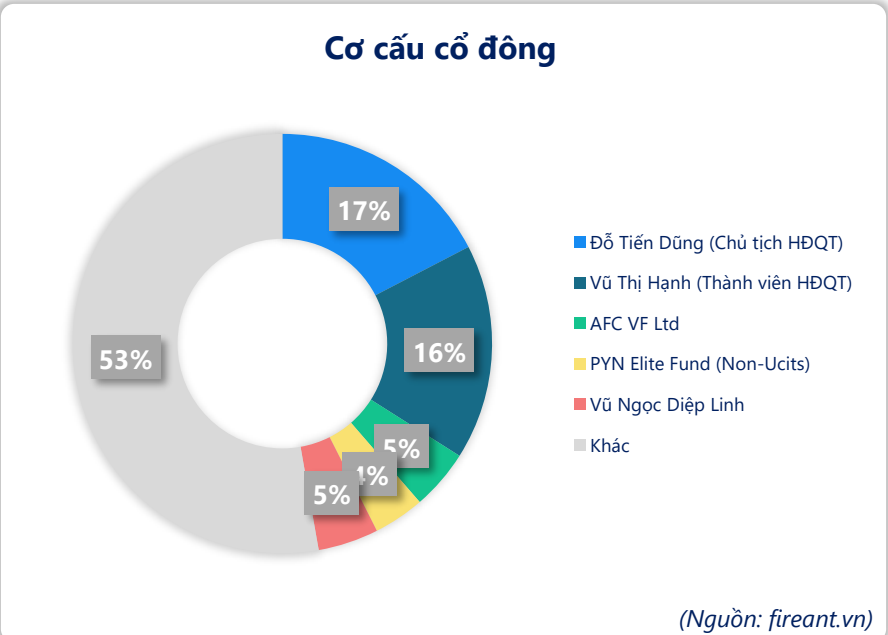
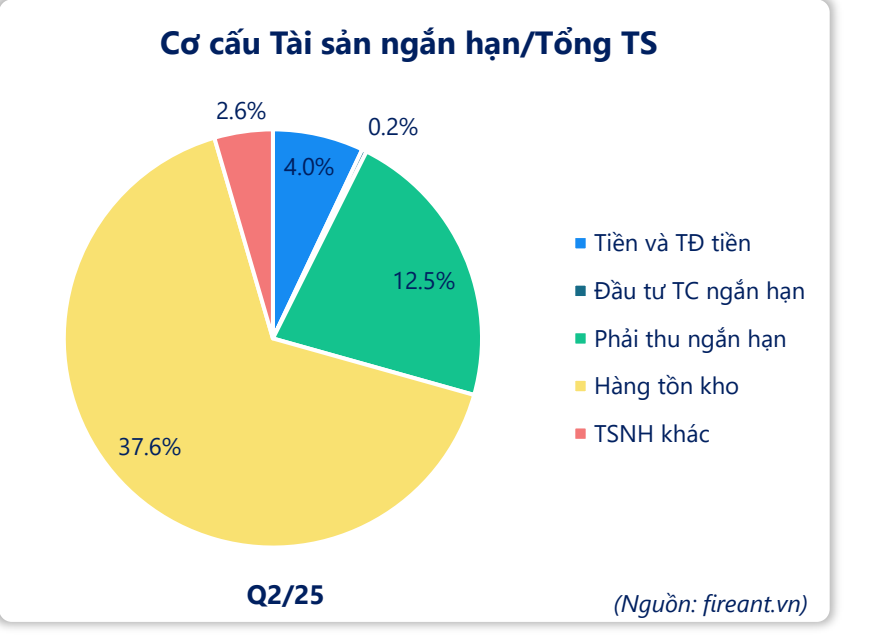
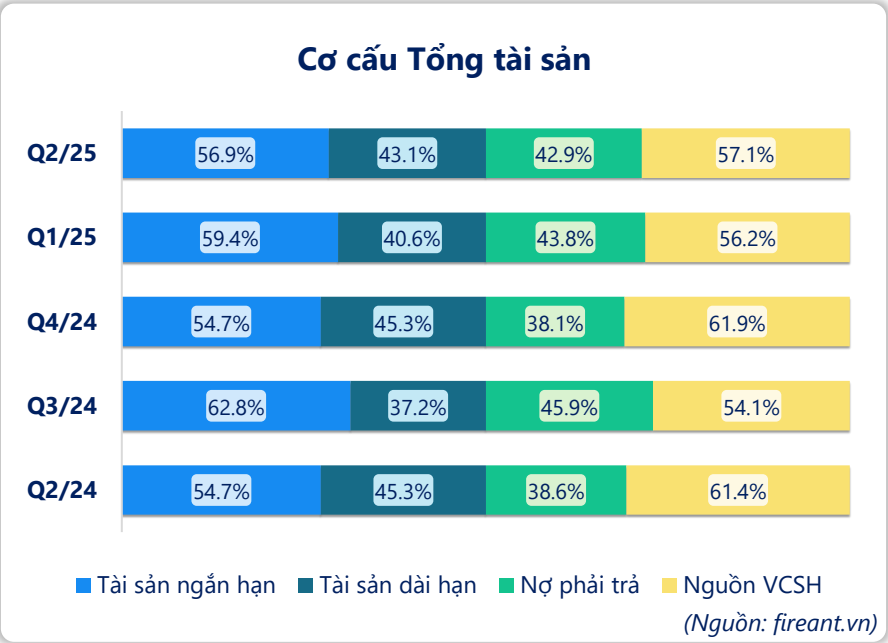
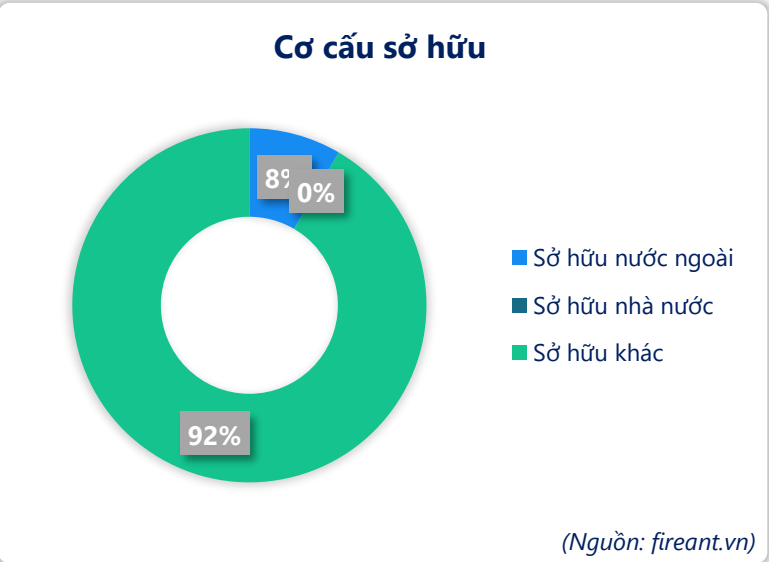
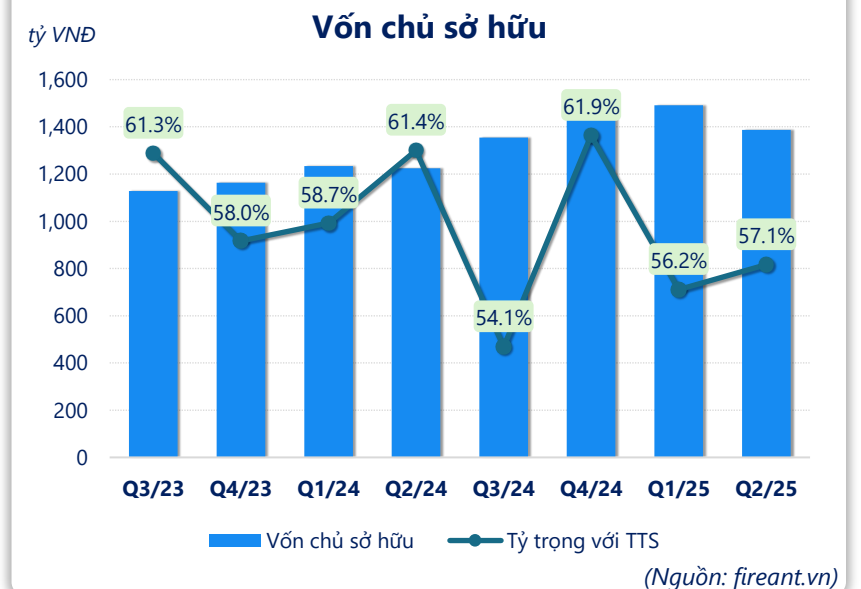
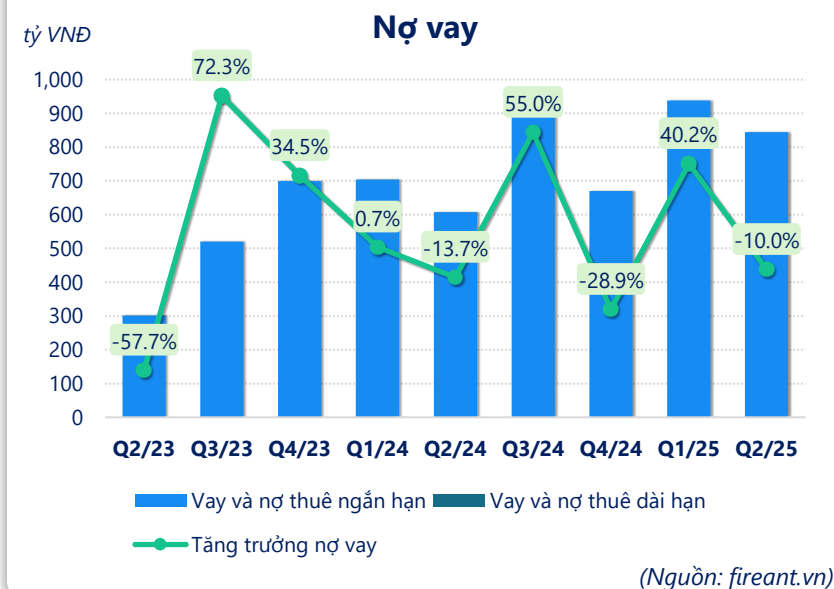
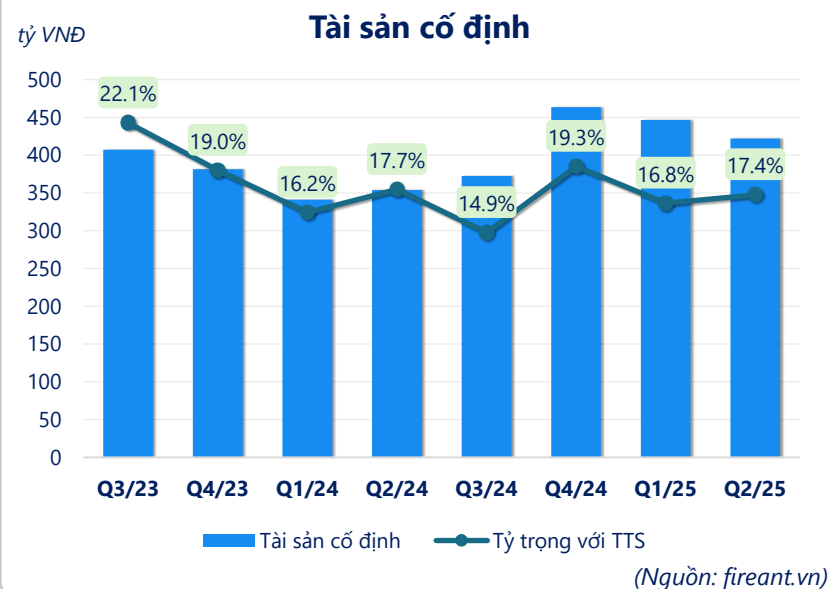
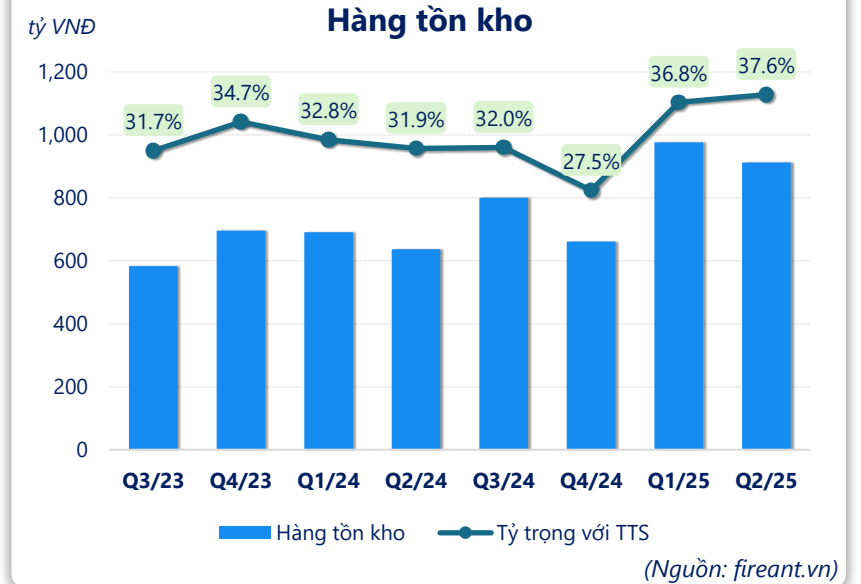
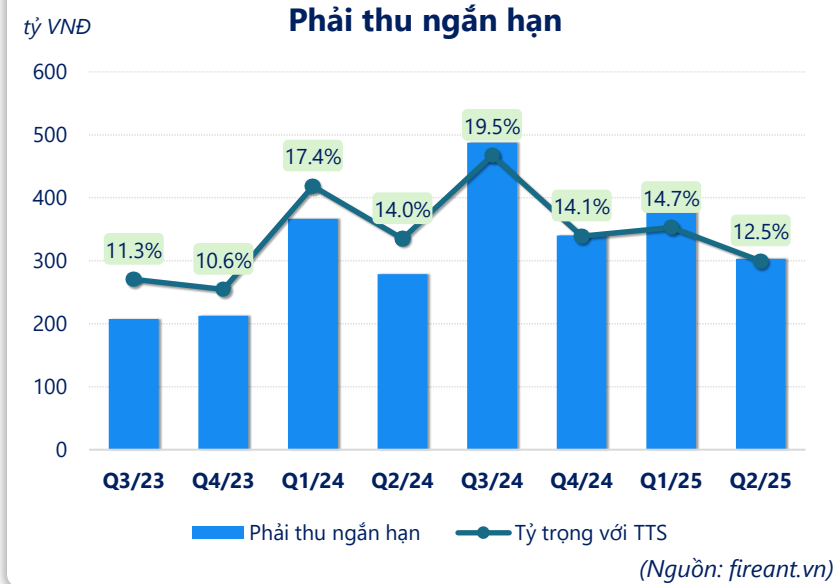
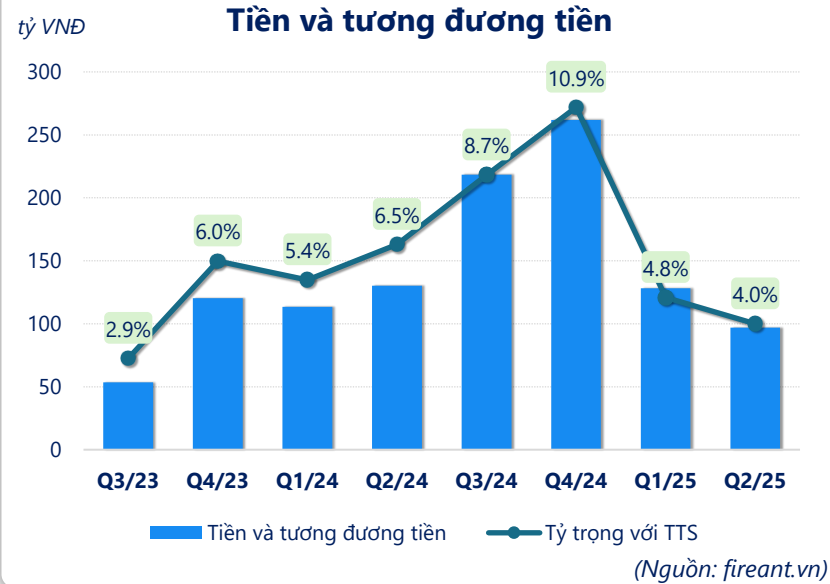
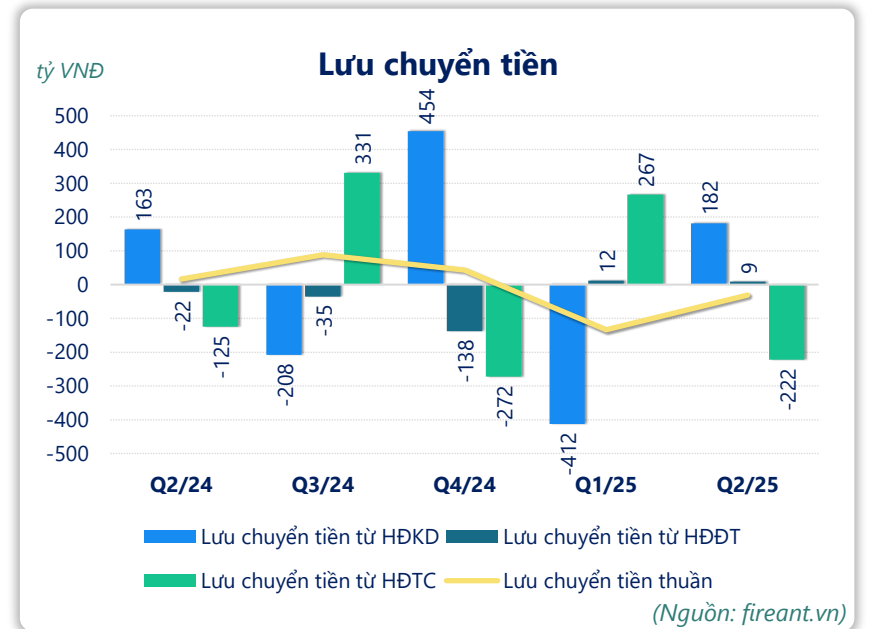
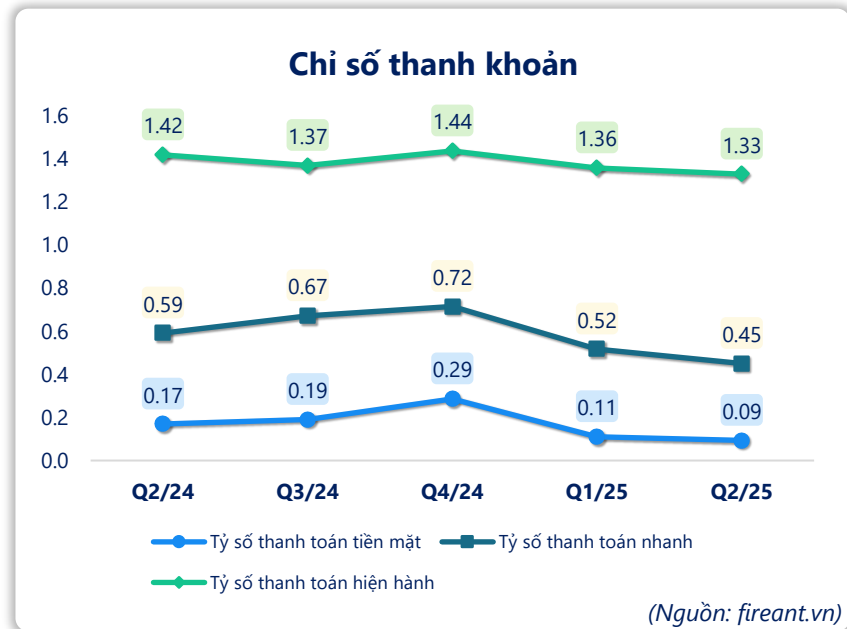
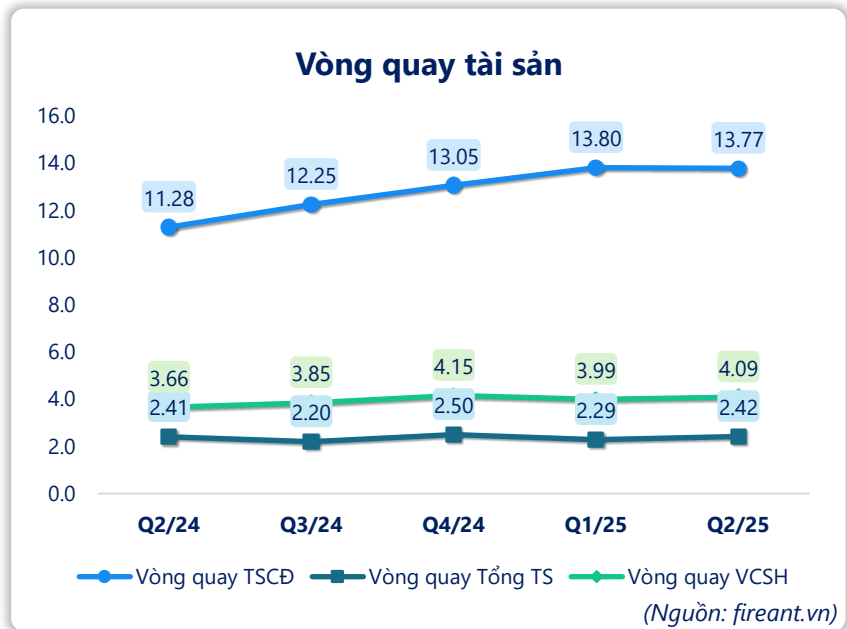
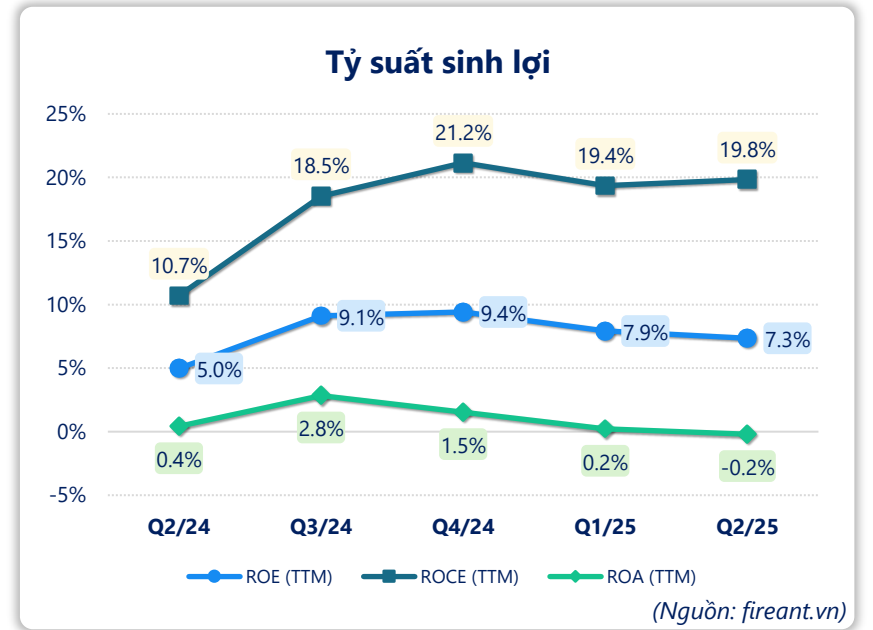
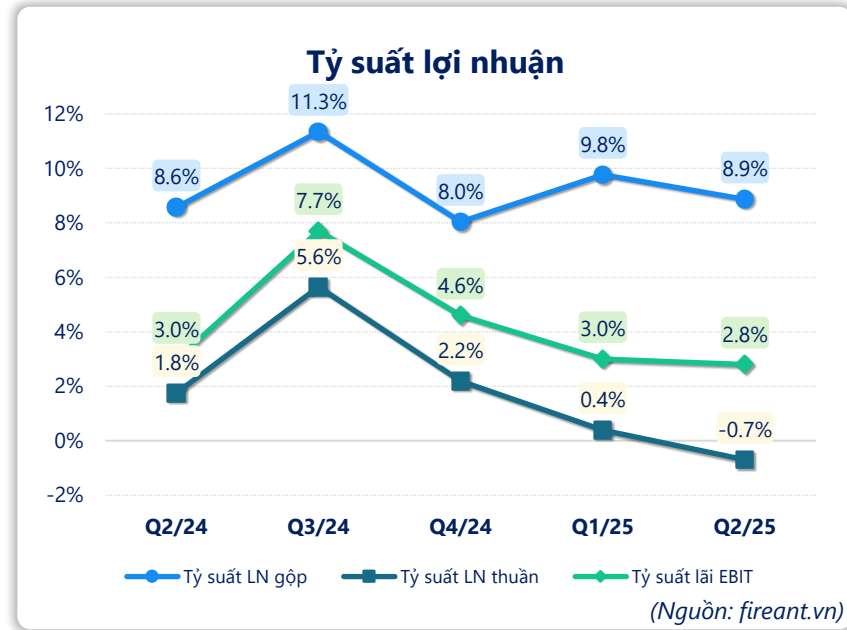
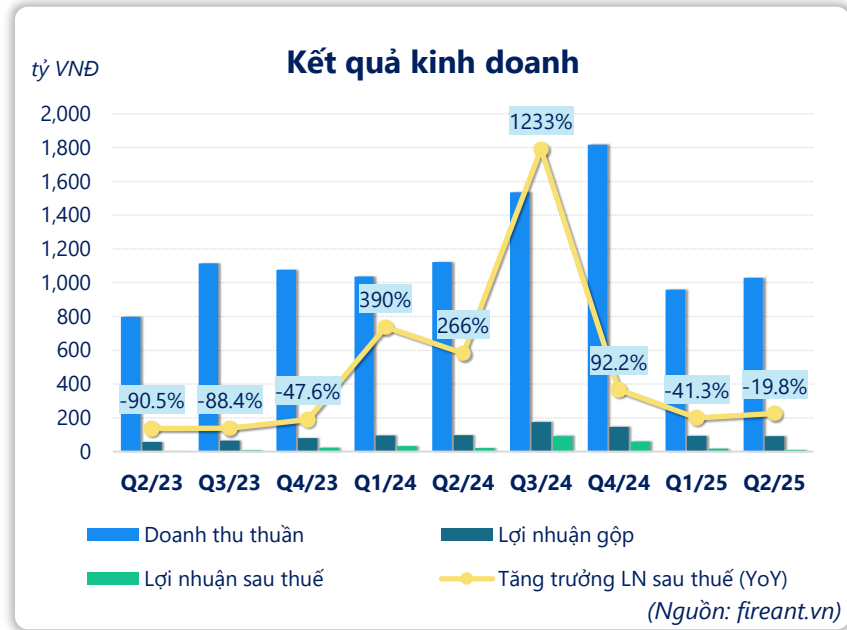


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,792
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,454
SL cổ phiếu LH		107,439,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,253,455
% sở hữu nước ngoài		8.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,612
P/E		16.8
EPS		893

	YTD	1T	3T	6T
HAX	-5.7%	-0.3%	2.4%	-6.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,427	2,409	0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,380	1,316	4.9%
Tiền và tương đương tiền	97.0	262	-63.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	3.00	66.7%
Phải thu ngắn hạn	303	340	-10.9%
Hàng tồn kho	912	661	38.1%
Tài sản ngắn hạn khác	62.4	49.8	25.3%
Tài sản dài hạn	1,047	1,093	-4.2%
Phải thu dài hạn	6.42	6.24	2.9%
Tài sản cố định	422	460	-8.3%
Bất động sản đầu tư	542	542	0.1%
Tài sản dở dang	1.25	1.86	-32.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	31.5	34.3	-8.1%
Lợi thế thương mại	43.6	49.2	-11.2%
Nợ phải trả	1,040	918	13.3%
Nợ ngắn hạn	1,038	918	13.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	845	670	26.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	106	99.3	7.0%
Nợ dài hạn	1.84	0.54	240%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,387	1,491	-7.0%
Vốn chủ sở hữu	1,387	1,491	-7.0%
Vốn điều lệ	1,074	1,074	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,123	1,536	1,817	959	1,029
Giá vốn hàng bán	1,026	1,361	1,671	865	938
Lợi nhuận gộp	96.2	174	146	93.6	91.2
Doanh thu HĐTC	0.24	0.08	0.22	0.58	0.51
Chi phí TC	4.96	4.99	7.75	6.03	11.2
Chi phí lãi vay	4.96	4.99	7.75	6.03	11.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.2	55.5	66.4	52.0	54.0
Chi phí QLDN	22.6	27.1	32.4	32.4	33.7
LN thuần từ HĐKD	19.7	86.7	39.8	3.73	-7.19
Lợi nhuận khác	8.74	26.5	36.0	19.0	24.7
LN trước thuế	28.4	113	75.8	22.7	17.5
Lợi nhuận sau thuế	22.0	90.3	59.5	16.5	10.3
LNST của CĐ cty mẹ	7.50	61.6	33.7	5.14	-4.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	163	-208	454	-412	182
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.7	-35.1	-138	11.9	9.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-125	331	-272	267	-222
Tiền đầu kỳ	113	130	218	262	128
Lưu chuyển tiền thuần	16.6	88.2	43.5	-134	-31.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	130	218	262	128	97.0

(Nguồn: fireant.vn)